TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ XUYÊN** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2024/DS-ST
Ngày 30-12-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Nhẫn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Hiệp

Bà Nguyễn Hồng Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Mỹ Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 30-12-2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 101/2023/TLST-DS ngày 19-4-2024 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 313/2024/QĐXXST-DS ngày 20-11-2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Mỹ N, sinh năm 1974; địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1993; địa chỉ: Ấp M, xã Đ, thành phố N, tỉnh Hậu Giang, là người đại diện theo văn bản uỷ quyền đề ngày 16-4-2024. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Võ Hữu P, sinh năm 1979; địa chỉ cư trú: Ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17-4-2024, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đề ngày 23-7-2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ N có người đại diện hợp pháp trình bày cho rằng do chỗ quen biết nên bà Nguyễn Thị Mỹ N nhiều lần đưa cho ông Võ Hữu P mượn (vay không có lãi) số tiền tổng cộng là 500.000.000 đồng, do đó ông P tự nguyện đưa cho bà N giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 349499 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp cho ông Võ Hữu P ngày 27-5-2021 đối với thửa đất số 1058, tờ bản đồ số 4, tọa lạc ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng để làm tin, hai bên lập Giấy cầm bằng

khoáng đất ngày 23-8-2023 với nhau, sự việc có bà Hồ Thị D (mẹ ruột của ông P) chứng kiến. Nhưng sau đó ông P không thực hiện theo thỏa thuận mượn tiền trên, bà N đã nhiều lần liên hệ ông P trả số tiền trên nhưng ông P trốn tránh không thực hiện. Do đó, bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông P trả cho bà N số tiền 536.000.000 đồng, gồm tiền vốn gốc là 500.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày làm giấy cầm bằng khoán (ngày 23-8-2023) đến ngày làm đơn khởi kiện (ngày 17-4-2024) là 36.000.000 đồng; bà N sẽ giao trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông P.

Ngày 23-7-2024, bà Nguyễn Thị Mỹ N có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện trình bày cho rằng ông P thường hay mượn tiền, vàng của bà N, mỗi lần đều có làm biên nhận với nhau. Cụ thể:

- Ngày 7-3-2023, ông P mượn của bà N số tiền 230.000.000 đồng và 02 cây vàng 9999, ông P có tự viết biên nhận đề ngày 7-3-2023 có nội dung: *"[...] tôi tên Võ Hữu P tôi có mượng bà Nguyễn Thị Út N1 số tiền 230.000.000 hai trăm ba mươi triệu và hai cây vàng 9999 [...]"* với bà N1;

- Ngày 8-3-2023, ông P mượn thêm của bà N1 số tiền 120.000.000 đồng, nên ông P làm biên nhận lại số tiền 350.000.000 đồng và 02 cây vàng 9999, ông P có tự viết biên nhận đề ngày 8-3-2023 có nội dung: *"[...] tôi tên Võ Hữu P tôi có mượng bà Nguyễn Thị Mỹ N số tiền 350.000.000 ri bằng chữ ba trăm năm mươi triệu và 2 cây vàng 9999 [...]"* với bà N;

- Ngày 23-8-2023, ông P tổng hai biên nhận lần 1 ngày 7-3-2023 và biên nhận lần 2 ngày 8-3-2023 trên lại tính thành số tiền 500.000.000 đồng (gồm tổng số tiền mặt đã mượn là 350.000.000 đồng và 02 cây vàng 9999 tự tính thành tiền thời điểm đó là 150.000.000 đồng) và tự giao bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 349499 cho bà N giữ và tự làm giấy cầm bằng khoán với bà N cam kết trả dần số tiền nợ trên.

Tuy nhiên, sau khi nhận tiền, vàng của bà N như trên thì ông P không thực hiện đúng cam kết, bà N nhiều lần liên hệ ông P yêu cầu trả tiền như đã cam kết trên thì ông P tiếp tục hứa hẹn mà không trả, vì vậy bà N căn cứ giấy cầm bằng khoáng của ông P khởi kiện đến Tòa án. Hiện ông P biết việc bà N khởi kiện đến Tòa án nhưng vẫn cố tình trốn tránh không đến Tòa án giải quyết việc trả nợ số tiền trên cho bà N. Nay được biết việc làm giấy cố đất với nhau là chưa đúng quy định pháp luật và do ông P cố tình né tránh nên buộc bà N phải yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết của ông P. Do đó, bà N căn cứ vào Biên nhận nợ ngày 8-3-2023 do ông P tự viết, ký tên với bà N yêu cầu ông P trả nợ cho bà số tiền 350.000.000 đồng và 02 cây vàng 9999 tạm tính thành tiền là 150.000.000 đồng và tính tiền lãi chậm trả từ ngày 23-8-2023 đến ngày làm đơn khởi kiện (ngày 17-4-2024) số tiền 36.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 350.000.000 đồng và số tiền 184.000.000 đồng (tương đương giá trị của 02 cây vàng 9999 tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 82.000.000 đồng/01 cây vàng 9999) và tiền lãi trên số tiền vốn chậm trả 350.000.000 đồng từ ngày bị đơn hứa hẹn làm Giấy cầm bằng khoáng đất ngày 23-8-2023 đến ngày nguyên đơn làm đơn khởi kiện ngày 17-4-2024 với mức lãi suất 10%/năm là 22.750.000 đồng.

Bị đơn ông Võ Hữu P đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gửi đến Tòa án.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn; bị đơn vắng mặt không có lý do; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng là nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã chấp hành các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả tiền vay, lãi chậm trả theo quy định pháp luật và trả giá trị của 02 cây vàng 9999 tại thời điểm xét xử; tuyên án phí và chi phí trưng cầu giám định theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ N là tranh chấp dân sự về *"Hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản"* quy định tại khoản 2, 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 166, Điều 463 Bộ luật Dân sự; bị đơn ông Võ Hữu P cư trú ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên thụ lý, xét xử sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên toà, nguyên đơn vắng mặt có người đại diện tham gia phiên tòa, bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Tại phiên toà, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn khẳng định cá nhân nguyên đơn và cá nhân bị đơn giao dịch vay tiền, mượn vàng như nguyên đơn khởi kiện, không yêu cầu cá nhân nào khác cùng có nghĩa vụ; đồng thời, xác định yêu cầu đòi lại tài sản là *"02 cây vàng 9999"* tính giá trị thành tiền tại thời điểm xét xử là 184.000.000 đồng (82.000.000 đồng/01 cây vàng 9999). Xét thấy, việc tự quyết định, định đoạt các nội dung như trên là tự nguyện, không trái quy định pháp luật, căn cứ Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về số tiền vay 350.000.000 đồng và số tài sản mượn là 02 cây vàng 9999 theo tờ giấy có nội dung: *"Cộng hòa xã hội chủ nghĩa việt nam đọc lập tự do hạnh phúc * tôi tên Võ Hữu P tôi có mượng bà Nguyễn Thị Mỹ N số tiền 350.000.000 ri bằng chữ ba trăm năm mươi triệu và 2 cây vàng 9999 khi nào bán được nhà tôi sẽ trả võ hữu phúc ngày 8 tháng 3 nguyễn thị mỹ nhẹ 2023"* (bút lục số 38). Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông P được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Tại Kết luận giám định số 2056/KLTL-KTHS ngày 28-10-2024 của Phòng K Công an tỉnh S kết luận chữ ký, chữ viết tên Võ Hữu P dưới dòng chữ *"tôi sẽ trả"* trên giấy tay mặt trước có nội dung *"Cộng hòa xã hội chủ nghĩa [...] ngày 8 tháng 3 mỹ nhẹ*

nguyễn thị mỹ nhẹ" mặt sau có nội dung *"2023"* được viết tay bằng mực màu xanh trên 01 tờ giấy tập học sinh hiệu *"TTBOOK"* so với chữ ký, chữ viết của Võ Hữu P trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu: M1- M6 gồm chữ ký, chữ viết của Võ Hữu P trên Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 29-6-2021; Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 6-01-2022; Biên bản hòa giải ngày 6-01-2022; Biên bản hòa giải thành ngày 6-01-2022; Biên bản v/v giao nhận văn bản tố tụng ngày 6-01-2022; Biên bản v/v giao nhận văn bản tố tụng ngày 17-01-2022 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên) do cùng một người ký, viết ra. Ngày 4-11-2024, Tòa án ban hành Thông báo số 180/TB-TA thông báo về kết luận giám định trên gửi đến ông P nhưng ông P cũng không có ý kiến gửi đến Tòa án. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định *"Một bên đương sự [...] không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"* và các quy định tại khoản 1, 2 Điều 91, Điều 102 Bộ luật Tố tụng dân sự, có cơ sở xác định ông P có ký tên, viết tên trong giấy nợ ngày 8-3-2023 trên với bà N, qua đó thể hiện nội dung ông P có nợ bà N số tiền 350.000.000 đồng và 02 cây vàng 9999. Do đó, có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về trả số tiền vốn vay 350.000.000 đồng và tài sản mượn là 02 cây vàng 9999. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xác định yêu cầu đòi lại tài sản là *"02 cây vàng 9999"* tính giá trị thành tiền tại thời điểm xét xử là 184.000.000 đồng (82.000.000 đồng/01 cây vàng 9999) như phân tích tại đoạn [2] là có lợi cho bị đơn, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về tiền lãi trên số tiền vốn chậm trả 350.000.000 đồng từ ngày bị đơn hứa hẹn làm Giấy cầm bằng khoáng đất ngày 23-8-2023 đến ngày nguyên đơn làm đơn khởi kiện ngày 17-4-2024 với lãi suất 10%/năm là 22.750.000 đồng; tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn cho rằng giữa nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận vay (mượn) tiền không có lãi suất. Thấy rằng, đây là trường hợp vay không có lãi, ngày 23-8-2023 bị đơn làm giấy tay Giấy cầm bằng khoán đất hứa hẹn việc trả tiền nợ với nguyên đơn nhưng không thực hiện, vì vậy nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi trên số tiền vốn chậm trả 350.000.000 đồng từ ngày bị đơn hứa hẹn, làm Giấy cầm bằng khoáng đất ngày 23-8-2023 đến ngày nguyên đơn làm đơn khởi kiện ngày 17-4-2024 lãi suất 10%/năm với số tiền 22.750.000 đồng (350.000.000 đồng x 234 ngày x 10%/năm) là có lợi cho bị đơn, đúng quy định tại khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Các đương sự không có yêu cầu về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 349499 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp cho ông Võ Hữu P ngày 27-5-2021 đối với thửa đất số 1058, tờ bản đồ số 4, tọa lạc ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng trong Giấy cầm bằng khoáng đất đề ngày 23-8-2023 nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu giữa bà N với ông P có tranh chấp, có đủ tài liệu chứng cứ chứng minh thì có quyền khởi kiện thành vụ án khác theo quy định pháp luật.

[6] Từ những phân tích như đã nêu trên, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận theo khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Chi phí trưng cầu giám định số tiền 2.850.000 đồng nguyên đơn phải chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 161 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 2, 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 102, khoản 2 Điều 161, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166, Điều 463, khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1, 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ N: Buộc ông Võ Hữu P có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ N số tiền tổng cộng 556.750.000 đồng (bằng chữ: Năm trăm năm mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), gồm số tiền vốn vay 350.000.000 đồng + số tiền 184.000.000 đồng (tương đương giá trị 02 lượng vàng 9999) và tiền lãi chậm trả 22.750.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm buộc ông Võ Hữu P phải chịu 26.270.000 đồng; hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ N số tiền tạm ứng đã nộp là 12.720.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004630 ngày 19-4-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên.

3. Chi phí giám định số tiền 2.850.000 đồng buộc ông Võ Hữu P phải chịu; do bà Nguyễn Thị Mỹ N đã nộp tạm ứng toàn bộ số tiền 2.850.000 đồng, nên buộc ông Võ Hữu P có nghĩa vụ nộp hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ N số tiền 2.850.000 đồng chi phí giám định trên.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9

Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Xuyên;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Kim Nhẫn